

28 BÀI ĐỌC VÀ CÁCH ĐÁNH VẦN

DÀNH CHO HỌC SINH CHUẨN BỊ VÀO LỚP 1

Chữ cái	a	ă	â	b	c	d	đ	e	ê	g	h	i	k	l	m		
	n	o	ô	ơ	p	q	r	s	t	u	ư	v	x	y			
Âm ghi bằng 2-3 chữ cái	tr		th		nh		kh		gi		gh						
	ng		ngh		ph		qu		ch								
	iê		yê		uô		ươ										
Chữ số và dấu	1		2		3		4		5		6		7		9		10
	+				-				>				<				
	=																

BÀI ĐỌC 1

Nguyên âm:	a	ă	â	o	ô	ơ	e	ê	i	y	u	ư
Phụ âm:	c											
Dấu:		`	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
Tiếng	ca	cà	cá	cả		cạ						
	co	cò	có	cỏ		cọ						
	cô	cồ	cố	cỗ	cỗ	cộ						
	cơ	cờ	cớ		cỡ							
	cu	cù	cú	củ	cũ	cụ						
	cur	cừ	cứ	cử	cữ	cự						
Từ:	có cà		có cá		có cỗ							
	cỏ cò		cá cờ		cụ cố							
Câu:	- Cò có cá.											
	- Cô có cờ.											
	- Cờ cu cũ.											
	- A! Cỗ có cá, có cả cà cơ.											
Phân tích:	- Tiếng ca gồm 2 âm, âm c đứng trước, âm a đứng sau.											
	- Từ cá cờ gồm 2 tiếng, tiếng cá đứng trước, tiếng cờ đứng sau.											
	<i>(Lưu ý: Phụ huynh hướng dẫn con phân tích tiếng, từ theo mẫu trên)</i>											

BÀI ĐỌC 2

Phụ âm:	b			d			đ		
Tiếng	ba	bo	bô	bơ	be	bê	bi	bu	bur
	da	do	dô	dơ	de	dê	di	du	dur
	đà	đo	đô	đơ	đe	đê	đi	đu	đur
Từ:	ba ba		be bé		bi bô		bí đở		
	dở bé		dở củ		e dè		dê dể		
	đo đở		đơ đở		bờ đê		đi dò		
	đu đủ		đa bò		bế bé		ô dù		
	đì Ba		đở đở		đở đá		đá dể		
Câu:	- Bò, dê đã có ba bó cỏ.								
	- Bé bi bô: bà, bố bé bé.								
	- Bà bế bé, bé bá cỏ bà.								
	- Bà dở bé dể bé đi dò đở e dè.								
	- Bố bế bí bỏ bị.								
Phân tích:	- Tiếng bé gồm 2 âm, âm b đứng trước, âm đứng sau thêm thanh sắc trên âm e .								
	- Từ đi dò gồm 2 tiếng, tiếng đi đứng trước, tiếng dò đứng sau.								
	<i>(Lưu ý: Phụ huynh hướng dẫn con phân tích tiếng, từ theo mẫu trên)</i>								

BÀI ĐỌC 3

Phụ âm:	h			l			k		
Tiếng	ha	ho	hồ	hơ	he	hê	hi	hu	hư
	la	lo	lô	lơ	le	lê	li	lu	lư
	ke	kê	ki	(âm k chỉ ghép với e, ê, và i)					
Từ:	hạ cờ		hổ dữ		hồ cá		hả hê		ê ke
	bé ho		kê hở		lá hẹ		lá đa		kì cọ
	lọ đổ		lơ là		le le		đi lễ		kể lễ
	lê la		lá cờ		lọ cổ		cũ kĩ		ki bo
Câu:	- Bé bị ho, bà bế bé, bà đỡ bé.								
	- Hè, bé đồ dế ở bờ đê.								
	- Bé Hà la: bò, bê hả bà?								
	- Ủ, có cả dê ở đó.								
	- Dê lạ kì, bé cứ bi bô: bố, ở bà có dê kì lạ cơ!								
	- Bà có ô đã cũ, bé cứ bi bô: Bố, ô bà đã cũ kĩ!								
	- Cô Kỳ là dì bé Kỳ.								
	- Cô Kỳ ca: lá lá la la.								
	- Cô Kỳ hò: hò lơ, hò lờ.								

BÀI ĐỌC 4

Phụ âm:	t			n			m		
Tiếng	ta	tp	tô	tơ	te	tê	ti	tu	tư
	na	no	nô	nơ	ne	nê	ni	nu	nư
	ma	mo	mô	mơ	me	mê	mi	mu	mư
Từ:	ô tô		nơ đở		cá mè		củ tạ		
	tử to		no nê		ba má		ca mỗ		
	tử tế		na to		bố mẹ		má nẻ		
	củ từ		ca nô		mũ nỉ		nụ cà		
Câu:	- Bà có na to, có cả củ từ, bí đở to cơ.								
	- Bé la to: bố mẹ, nụ cà đã nở.								
	- Ô tô đi từ từ để đỗ đá ở đê.								
	- Bò bê có cỏ, bò bê no nê.								
	- Bé Mỹ có mũ nỉ.								
	- Dì Tư đi đò, bố mẹ đi ca nô.								
	- Bé Hà có nơ đở								

BÀI ĐỌC 5

Phụ âm:	v		r		s		x		
Tiếng	va	vo	vô	vơ	ve	vê	vi	vu	vư
	ra	ro	rô	rơ	re	rê	ri	ru	rư
	sa	so	sô	sơ	se	sê	si	su	sư
	xa	xo	xô	xơ	xe	xê	xi	xu	xư
Từ:	cá rô		hè về		xổ số		su sú		
	bó rạ		tò vò		sur tử		số ne		
	rỏ rá		võ về		xe bò		xẻ đá		
	bộ rễ		vở vẽ		đi xa		lá sả		
Câu:	- Hè về, có ve, ve ra rả.								
	- Bé vẽ ve, bé vẽ bê, và vẽ cả ô tô.								
	- Hè, bé và và đi mò cá, có cá cờ và cả cá rô to.								
	- CỤ SĨ CÓ LỌ SÚ CỎ.								
	- Hè về, bố mẹ và bé đi ra bờ hồ.								
	- Ở XÃ TA CÓ CÔ CA SĨ Ở XỨ XA VỀ.								

BÀI ĐỌC 6

Phụ âm:	p		ph		q			qu		
Tiếng	pa	po	pô	po'	pe	pê	pi	py	pu	pu'
	pha	pho	phô	pho'	phe	phê	phi		phu	
	qua	que	quê	qui	quy					
Từ:	pí po		pí pô		pí pa pí pô					
	phở bò		quà quê		tổ phó					
	phố xá		cá quả		phì phò					
	cà phê		qua phà		vỏ quế					
Câu:	- Phú pha cà phê.									
	- Phi có tô phở bò.									
	- Quả quê có vô số quả: đu đủ, na, bơ và cả lê									
	- CỤ SĨ có lọ sứ cổ.									
	- Hè về, bố mẹ và bé đi ra bờ hồ.									
	- Đi qua phà để ra phố, bé cứ sợ.									

BÀI ĐỌC 7

Phụ âm:	g		gh		ng		ngh	
Tiếng	ga	go	gô	gơ	gu	gur		
	ghe	ghê	ghi					
	nga	ngo	ngô	ngơ	ngu	ngur		
	nghe	nghe	nghe					
Từ:	(chú ý: gh, ngh chỉ ghép với e, ê, i)							
	gà gô		ghé gô		bé ngã		nghe ọ	
	tủ gô		ghi vở		ngò ngò		củ nghe	
	gô gụ		ghệ to		bờ ngở		nghe kĩ	
	gô mỗ		ghê sọ		cá ngư		ngò nghe	
Câu:	- Cô Tư có ổ gà đẻ							
	- Cụ Tú có tủ gô gụ.							
	- Phố bé có nghe xe gô.							
	- Quê bà có bể, ở bể có cá ngư và ghệ.							
	- Bé bị ngã, bà đỡ bé, nghe cứ ngó bé.							

BÀI ĐỌC 8

Phụ âm:	ch				tr				
Tiếng	cha	cho	chô	chơ	che	chê	chi	chu	chư
	tra	tro	trô	trơ	tre	trê	tri	tru	trư
Từ:	cha mẹ		che chở		tra ngô		cá trê		
	chó xù		chị Hà		chỉ trở		vũ trụ		
	chỗ ở		chú rể		trở về		dự trữ		
	đi chợ		chữ số		lá tre		lí trí		
Câu:	- Chú Nghi chở bà ra chợ.								
	- Bé Chi sợ chó dữ.								
	- Bé pha trà cho bà và bố.								
	- Bé Trí đã đi trở về.								
	- Cọ Trụ chẻ tre ở hè.								
	- Bé và mẹ đi chợ, ở chợ có cá trê to.								

BÀI ĐỌC 9

Phụ âm:	nh				th				
Tiếng	nha	nho	nhô	nhơ	nhe	nhê	nhi	nhu	như
	tha	tho	thô	thơ	the	thê	thi	thu	thư
Từ:	nhà thờ		nhè nhẹ		thả cá		the thé		
	quả nho		lí nhí		chú thỏ		lê thê		
	nhỏ cỏ		nhu nhú		xe thô		quả thị		
	nhớ nhà		như ý		thơ ca		cá thu		
	nhớ nhà		nho nhỏ		thủ thi		thứ tự		
Câu:	- Bà ở quê, nhà bà là nhà lá.								
	- Nhà bé ở phố, phố có ngõ nhỏ.								
	- Xe ô tô chở sư tử và hổ về sở thú.								
	- Thu bỏ thư cho cô Tú.								
	- Bố bé là thợ hồ, chú bé là thợ nề.								
- Ở phố bé có nhà thờ to.									
- Bé đi nhà trẻ chớ đi trễ giờ.									

BÀI ĐỌC 10

Phụ âm:	gi				kh				
Tiếng	gia	gio	giô	giơ	gie	giê	gi	giu	giur
	kha	kho	khô	khơ	khe	khê	khi	khu	khur
Từ:	gia vị		gió to		giẻ cũ		khổ sở		
	bà già		giò chả		giữ nhà		khơ me		
	giá cả		giỏ cá		khe khẽ		quả khế		
	giả da		giỗ tổ		kha khá		chú khỉ		
	giã giò		thì giờ		kho cá		khu đô thị		
	quá khứ		cá khô		tú lơ khơ		khí ô - xy		
Câu:	- Bà cho gia vị và khế để kho cá.								
	- Nhà bé có giỏ, cỗ có giò chả.								
	- Phố bé Nga có nghề giã giò.								
	- Chú chó xù giữ nhà khá ghê.								
	- Bà ở nhà lá, gió to bé cứ sợ nhà đổ.								
	- Bé Thu đi khe khẽ để bà và bố mẹ ngủ.								

BÀI ĐỌC 11 – ÔN TẬP

Có cỗ

Nhà có giỗ
Có cỗ to
Có chả giò,
Có cá kho
Bẽ đã no
Bé ngủ khò

Thu có quà

Thu qua nhà bà
Bà cho Thu quà
Thu mở quà ra
Thu cho cả nhà
Quà có mì gà
Có nho, có na
Thu no nê quá
Thu hò thu ca

Nga về quê

Nga về nhà quê
Nga ra bờ đê
Có bò có bê
Có dê có ghé
Khi Nga trở về
Nga nhớ nhà quê
Ở đó có bà
Nghĩ mà thú ghê

Hà nhớ nhà

Bé Hà đi xa
Nó nhớ nhà quá
Hà đi xe ca
Khi trở về nhà
Nhà Hà có bà
Có mẹ, có cha
Bà Hà đã già
Bà chỉ ở nhà

❖ Hướng dẫn con phân tích Tiếng:

Tiếng bé có âm b đứng trước, âm e đứng sau thêm thanh sắc trên âm e.

- Chú ý nhớ các khái niệm được gạch chân
- Các tiếng khác, con phân tích tương tự: **bà, hổ, cỗ, mẹ, vẽ.**

BÀI ĐỌC 12 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

an	ăn	ân	on	ôn	ơn	en	ên	in	un
-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

van	văn	vân	von	vôn	vơn	ven	vên	vin	vun
tan	tăn	tân	ton	tôn	tơn	ten	tên	tin	tun

đàn nagan	khăn đỏ	số bốn	bên trên
bàn ghế	bạn thân	son đỏ	chín giờ
căn dặn	ăn ngon	mũ len	con giun
cẩn thận	con lợn	con nhện	bún bò

- Cô khen bé cẩn thận
- Bé Vân và bé Lan là bạn thân.
- Ủn à ủa ỉn.

Chín chú lợn con
Ăn đã no tròn
Cả đàn đi ngủ

❖ Hướng dẫn con phân tích Tiếng:

Tiếng nhà có **âm** nh đứng trước, **âm a** đứng sau thêm **thanh** huyền trên âm e.

- Các tiếng khác, con phân tích tương tự: **Thỏ, khế, nghỉ, ghé.**

BÀI ĐỌC 13 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

am	ăm	âm	om	ôm	ơm	em	êm	im	um
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

nam	năm	nâm	nom	nôm	nơm	nem	nêm	nim	num
tam	tăm	tâm	tom	tôm	tơm	tem	têm	tim	tum

quả cam	đom đóm	xem phim	tìm kim
chăm làm	lom khom	bơm xe	tổ chim
mầm non	con tôm	que kem	chùm nhãn
tăm tre	nắm rơm	nằm đệm	cắm cùm
đi chậm	chôm chôm	thêm nhà	chúm chím

- Bé cho đàn gà con ăn tằm. Bố khen bé chăm làm.
- Thứ năm, mẹ cho bé đi xem phim.
- Bé Thơm bị ốm, hôm qua bà cho bé đi khám ở trạm y tế xã.

❖ Hướng dẫn con phân tích ÂM:

- **ÂM th** có **con chữ t** đứng trước, **con chữ h** đứng sau.
- **ÂM ngh** có **con chữ n** đứng trước, **con chữ gh** đứng, **con chữ h** đứng cuối.
- Các âm khác hướng dẫn tương tự: **kh, ph, ch, gh, ng**

BÀI ĐỌC 14 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ai	ay	ây	oi	ôi	ơ	ui	ư
----	----	----	----	----	---	----	---

vai	vay	vây	voi	vôi	vơ	vui	vư
cai	cay	cây	coi	côi	cơ	cui	cư

Số hai tai nghe bàn tay mây bay	thợ may cây đa xây nhà củ tỏi	ngà voi hà nội thổi còi đồ chơi	bơi lội cái túi gửi thư bó củ
--	--	--	--

- Chim non mới nở
Chim mẹ mớm mồi.
- Nhớ lời cô dạy, bé chớ nói dối.
- Bố bé đi bộ đội, bố gửi thư về, cả nhà vui quá.

❖ Hướng dẫn con phân tích TIẾNG:

- **Tiếng** bay có âm **b** đứng trước, vần ay đứng sau, thêm thanh hỏi trên âm **a**.
- Các tiếng khác hướng dẫn tương tự: **cây**, **thổi**, **bàn**, **gửi**.

BÀI ĐỌC 15 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ao	eo	au	âu	êu	iu	ưu
----	----	----	----	----	----	----

thao	theo	thau	thâu	thêu	thiu	thuru
trao	treo	trau	trâu	trêu	triu	truru

tờ báo chào cờ quả táo leo trèo	chú mèo kéo co quả cau rau bí	con sâu cá sấu thêu áo đi đều	bé xíu lú lo chăn cừu ngải cứu
--	--	--	---

- Cây táo, cây lựu đầu nhà đều sai trĩu quả.
- Trâu ơi ta bảo trâu này.

Trâu ăn no cỏ, trâu cày với ta.

❖ Hướng dẫn con phân tích TỪ:

- Từ nhà lá có tiếng nhà đứng trước, tiếng lá đứng sau.
- Chú ý các khái niệm gạch chân.
- Hướng dẫn tương tự các từ: gà ri, cá ngừ, củ nghệ, thứ tư.

BÀI ĐỌC 16 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ac	ăc	âc	oc	ôc	uc	ưc
----	----	----	----	----	----	----

bác	bắc	bắc	bó ́ c	bố ́ c	bú ́ c	bứ ́ c
má ́ c	mắ ́ c	mắ ́ c	mó ́ c	mố ́ c	mú ́ c	mứ ́ c

bác sĩ củ lạc ngơ ngác dầu sặc	xôi gấc mặc áo lắc đầu đi học	tóc bạc khóc nhè gốc cây thợ mộc	gỗ mục máy xúc lọ mực thức ăn
---	--	---	--

- Bé đi học chớ trêu chọc bạn.

- Nhớ lời bác dạy
Chăm học chăm làm
Bố mẹ đều khen
Thầy cô vui vẻ.

❖ Học sinh phân tích âm: nh, kh, ch, ng:

❖ Phân tích tiếng: vẽ, nhà, thứ, ngủ

BÀI ĐỌC 17 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

at	ăt	ât	ot	ôt	ơt	et	êt	it	ut	urt
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

hát	hắ	hất	hót	hố	hót	hét	hết	hit	hút
vát	vắ	vất	vót	vố	vót	vét	vết	vít	vút

ca hát	trật tự	cà rốt	bò kết
gió mát	vắt vả	quả ớt	quả mít
đôi mắt	quả nhót	trời rét	bút chì
bắt tay	cái sọt	con vệt	đứt dây

- Khi học bài, em nhớ phải ngồi trật tự
- Con nhớ vứt rác vào sọt.
- Mẹ cho cây bút
Bé vẽ con tàu
Lao đi vùn vụt.

❖ Học sinh phân tích từ: *cử tạ, bé ngủ, phố xá, lá đa, bó mạ.*

BÀI ĐỌC 18 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ap	ăp	âp	op	ôp	ơp	ep	êp	ip	up
-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

náp	nấp	náp	nóp	nốp	nóp	nép	nếp	nip	núp
cháp	chấp	cháp	chóp	chốp	chóp	chép	chếp	chíp	chúp

xe đạp cải bắp gặt gỡ cá mập	tôm hấp lớp xe hộp tổ hộp kẹo	lọp nhà lớp học cá chép xếp chỗ	đôi dép tốp ca bếp lò nhịp cầu	giúp đỡ búp non túp lều múp míp
---	--	--	---	--

- Bé tập đi xe đạp.
- Các bạn lớp em học tập rất chăm chỉ.
- Bé ơi mau dậy
Đến lớp mầm non
Con trâu tai vầy
Con gà mào son
Đều đi cả rồi
Bé ơi mau dậy.

❖ Học sinh phân tích từ: *tổ* cò, lá *mạ*, cá *thu*, thợ *xé*.



BÀI ĐỌC 19 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

anh	ênh	inh	ach	êch	ich
------------	------------	------------	------------	------------	------------

xanh	xênh	xinh	xách	xéch	xích
canh	kênh	kinh	cách	kéch	kích

anh em	học sinh	xe khách	mũ lệch	
màu xanh	que tính	vở sạch	tờ lịch	
quả chanh	đeo kính	nhà gạch	vui thích	
khám bệnh	lênh khênh	con ếch	vở kịch	

- Ở nhà con nhớ đọc sách, chớ phá phách, nghịch ngợm.
- Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.
- Đói cho sạch, rách cho thơm
- Tích tắc tích tắc
Kim ngân chỉ giờ
Kim dài chỉ phút
Tích tắc tích tắc
Thì giờ vùn vụt
Nhanh như tên bay
Chớ phí một giây
Em chăm chỉ học.

❖ Học sinh phân tích từ: **chữ số**, cá rô, **phố xá**, nhà lá.

BÀI ĐỌC 20 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ang	ăng	âng	ong	ông	eng	ung	ưng
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

trang	trăng	trâng	trong	trông	treng	trung	trưng
lang	lăng	lâng	long	lông	leng	lung	lưng

cái bả̃ng	bóng bay	vâng lời	bả̃n súng	
màu vằ̃ng	dòng sông	nhà tầng	cung tên	
đi vắ̃ng	bông hồng	cái xẻ̃ng	quả trứ̃ng	
vằ̃ng trắ̃ng	cây thông	gỗ kẻ̃ng	rừ̃ng núi	

- Đêm trung thu, chúng em vui tung bừ̃ng.
- Em tặng bạn bông hồng nhân ngày sinh nhật.

Trong đầ̃m gì đẹ̃p bằ̃ng sen
Lá xanh, bông trắ̃ng lại chen nhị vằ̃ng
Nhị vằ̃ng bông trắ̃ng lá xanh
Gầ̃n bừ̃n mà chắ̃ng hờ̃i tanh mùi bừ̃n.

- ❖ Học sinh phân tích tiếng: *nơ, me, dê, ò.*
- ❖ Phân tích âm: th, ch, kh, gh

BÀI ĐỌC 21 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ia	ua	ura	iêc	iêp	iên	yên	iêm	yêm
----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

xio	xua	xura	xiéc	xiép	xiên	xiêm	yém
chia	chua	chura	chiéc	chiép	chiên	chiêm	yén

chai bia cái thìa con cua mua mía	cửa sổ trời mưa xem xiéc chiếc xe	tiếp khách đàn kiến yên xe bao diêm	thanh kiếm âu yém tiêm phòng hồng xiêm	
--	--	--	---	--

Cái cò đi đón cơn mưa
Tôi tắm mù mịt ai đưa cò về?
Cò về thăm quán cùng quê

Thăm cha, thăm mẹ, cò về thăm anh.

- Chủ nhật, bố mẹ dẫn Kiên đi xem xiéc. Kiên rất thích xem khi đi xe đạp, chó làm tính, voi đá bóng.

- ❖ Phân tích âm: ph, nh, ng, tr.
- ❖ Phân tích tiếng: thỏ, phỏ, ngủ, tre.
- ❖ Phân tích từ: xe chỉ, củ sả, cá kho.

BÀI ĐỌC 22 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

iêu	yêu	iêt	yêt	iêng	yêng
-----	-----	-----	-----	------	------

tiêu	tiết	tiêng	khiêu	khiết	khiêng
------	------	-------	-------	-------	--------

❖ Chú ý: Vần có âm yê (i dài) ở đầu không có phụ âm đầu: yêu, yêt, yêng.

trải chiếu vải thiều biểu quà thời tiết	thăm thiết tiết học viết chữ Việt Nam	tiếng Việt cái miệng nghiêng ngả bay liệng	yêu bé yêu quý chim yêng mến yêu	
--	--	---	---	--

• Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

• Cánh diều no gió
Sáo nó thổi vang
Sao trời trôi qua
Diều thành trăng vàng.

Cánh diều no gió
Tiếng nó chơi vui
Diều là hạt cau
Phơi trên nong trời.

❖ Phân tích âm: ng, ngh, gh.

❖ Phân tích tiếng: ghé, ngữ, ghé.

BÀI ĐỌC 23 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

uôi	uôm	uộc	uột	uôn	uông
------------	------------	------------	------------	------------	-------------

xuôi	xuôm	xuộc	xuột	xuôn	xuông
chuôi	chuôm	chuộc	chuột	chuôn	chuông

chú cuội tuổi thơ cơm nguội đuôi bắt	lộ̣m thuộ̣m cuộc đậ́t đôi guộ́c uộ́ng thuộ́c	vuộ́t râu con chuộ̣t thuộ̣c bài bánh cuộ́n	chuộ̀n chuộ̀n hình vuộ̀ng rau muộ́ng lên xuộ́ng	
---	---	---	--	--

- Đến lớp con nhớ học thuộc bài,
chớ ăn mặc lộ̣m thuộ̣m.

Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đàng xa
Mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo.

BÀI ĐỌC 24 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi
ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi	ươi

múi bưởi	thước kẻ	thanh gươm	vườn trường	
điểm mười	uống nước	bướm lượn	soi gương	
tươi cười	bước chân	hạt cườm	giường ngủ	
con hươu	ướt áo	con vượn	hương thơm	
chai rượu	tóc mượt	bay lượn	xương sườn	

- **Trung Thu trăng sáng như gương.
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.**
- **Ca nô đi trước
Ván lướt theo sau
Nước tung trắng phau
Mặt hồ cuộn sóng.**

BÀI ĐỌC 25 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

oa	oe	oai	oan	oac	oat
-----------	-----------	------------	------------	------------	------------

ngoa	ngoe	ngoai	ngoan	ngoác	ngoát
khoa	khoe	khoai	khoan	khoác	khoát

hoa đào	sức khỏe	khoai lang	áo khoác	
toa tàu	xòe tay	quả xoài	rách toạc	
chìa khóa	chích chòe	bé ngoan	hoạt hình	
tòa nhà	bà ngoại	hoan hô	chạy thoát	
bút xóa	điện thoại	học toán	quạt mát	

Chớ có nói khoác

Bé Khoa rất ngoan mà còn học giỏi toán.

Bạn Toàn giữ sách giáo khoa rất sạch sẽ

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng

Đèn ra trước gió còn chẳng hỡi đèn

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn

Có sao trăng phải chịu luôn đám mây?

BÀI ĐỌC 26 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

oăn	oắt	oanh	oach	oang	oăng
------------	------------	-------------	-------------	-------------	-------------

thoăn	thoắt	thoanh	thoách	thoang	thoảng
loăn	loắt	loanh	loách	loang	loảng

tóc xoăn	quăn góc	kế hoạch	dài ngoằng	
băn khoăn	khoanh tay	xoành xoạch	vỡ hoang	
thoăn thoắt	loanh quanh	khoang tàu	nước khoáng	
nhọn hoắt	kinh doanh	thoang thoảng	hét toảng	

- Bà ngoại **băn khoăn** lo lắng vì bé chưa **ngoan**
- Chú bé **loắt choắt**
Cái xác **xinh xinh**
Cái chân **thoăn thoắt**
Cái đầu **ngênh ngênh**.
- **Trần Quốc Toản** ra trận
Gươm tuốt vỏ cầm tay
Ngựa phi nhanh như bay
Làm kinh hoàng lũ giặc
Lá cờ bay phấp phật
Náo nức cả đoàn quân

BÀI ĐỌC 27 – PHẦN VẦN

Cô dặn: Con đánh vần vần trước rồi đọc trơn vần (đọc thuộc vần)

uê	uy	uân	uât	uây	uyên	uyêt
----	----	-----	-----	-----	------	------

quê	quy	quân	quát	quây	quyên	quyêt
tuê	tuy	tuân	tuát	tuây	tuyên	tuyêt

hoa huệ	mùa xuân	cháo quẩy	đẹp tuyệt
thuê nhà	tuân lệnh	khuấy nước	quyết tâm
huy hiệu	sản xuất	kể chuyện	bạch tuyết
nguy hiểm	kỉ luật	cái thuyền	lưu luyến
lũy tre	quả quýt	bóng chuyền	tuyên dương

- **Bạn Huy quyết tâm học tập thật tốt.**
- **Mùa xuân là Tết trồng cây**
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân
- **Những hôm nào trăng khuyết**
Trông giống con thuyền trôi
Em đi trăng theo bước
Như muốn cùng đi chơi.
- **Bạn Tuấn đi tàu thủy về quê. Ở quê Tuấn được nghe bà kể chuyện nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn.**

BÀI ĐỌC 28 – PHẦN VẦN

oao	oay	oam	oẵm	oẵc	oen	oet
oong	ooc	uơ	uya	uyt	uyp	uynh
uych	uâng	uênh	uêch			

oao:	ngoao ngoao	uơ:	thuở xưa
oay:	viết ngoáy	uya:	đêm khuya
oam:	mèo ngoạm chuột	uyt:	huýt sáo
oẵm:	sâu hoẵm	uyp	đèn tuýp
oẵc:	dấu ngoặc	uynh:	phụ huynh
oen:	nhoẻn cười	uych:	chạy huỳnh huỵch
oet:	lòe loẹt	uênh:	huênh hoang
oong:	cái xoong	uêch:	nguyệt ngoặc
ooc:	quần soóc		

Mèo kêu ngoao ngoao.

Bé không nên viết ngoáy.

Cần cầu ngoạm kiện hàng.

Giếng khoan sâu hoẵm.

Bé làm bài tập: điền âm hoặc vần thích hợp.

Tan học, mẹ đón bé và nhoẻn miệng cười.

Bức tranh bé tô màu lòe loẹt.

Bé giúp mẹ lấy cái xoong nấu canh.

Mùa hè, bé mặc quần soóc đi học.

Bé đi xem xiếc có chú voi hươ cái vòi dài.

Bà say sưa kể chuyện thuở xưa.

Đêm đã khuya, mẹ vẫn cặm cụi làm việc.

Bé tập huýt sáo, khi đang đi trên xe buýt.

Bố tháo và lau chùi chiếc đèn tuýp cho sạch.

Chủ nhật, bố và mẹ đi họp phụ huynh cho hai anh em.

Những chú voi to lớn chạy huỳnh huých làm đất cát bụi mù.

Mẹ dạy bé chớ nói huênh hoang.

Bé nắn nót viết từng chữ và không viết nguệch ngoạc.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

TIẾNG VIỆT 1 - CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

(TÀI LIỆU DÀNH CHO GV VÀ PHHS LỚP 1.CNGD)

Phần 1. Hệ thống Âm và Chữ trong chương trình TV1.CNGD:

→ Chương trình Tiếng Việt 1.CNGD dạy HS 37 âm vị. Các âm vị đó là: **a, ă, â, b, c, ch, d, đ, e, ê, g, gi, h, i, kh, l, m, n, ng, nh, o, ô, ơ, p, ph, r, s, t, th, tr, u, ư, v, x, iê, uô, ươ**. Bao gồm:

- 14 nguyên âm: 11 nguyên âm đơn (**a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư**) và 3 nguyên âm đôi (**iê, uô, ươ**).

- 23 phụ âm đó là: **b, c, ch, d, đ, g, kh, t, v, h, l, m, n, ng, nh, p, ph, s, th, tr, x, gi, r**.

→ 37 âm vị trên được ghi bằng 47 chữ, đó là 37 chữ ghi các âm vị nói trên và thêm 10 chữ nữa là: **k, q, gh, y, ngh, ia, ya, yê, ua, ư**.

→ Các âm **ch, nh, kh, ph, th, gh, ngh, gi** là một âm chứ không phải là do nhiều âm ghép lại.

Ví dụ: Chữ ghi âm /ch/: ch là do nét cong trái, nét khuyết trên và nét móc hai đầu tạo thành, chứ không phải do hai chữ /c/ và /h/ ghép lại.

Phần 2. Âm tiết:

- Mỗi tiếng trong tiếng Việt, đứng về mặt ngữ âm chính là một âm tiết.

- Âm tiết tiếng Việt được thể hiện bằng lược đồ như sau:

*** Học sinh cần nắm chắc: Tiếng đầy đủ gồm có 3 phần: Phần đầu, phần vần, phần thanh.**

Phần 3. Các thành tố cấu tạo âm tiết:

3.1. Thanh điệu: Tiếng Việt có:

→6 thanh điệu:

- Thanh không dấu (thanh ngang)
- Thanh huyền
- Thanh hỏi
- Thanh ngã
- Thanh sắc
- Thanh nặng.

→5 dấu thanh: dấu sắc, dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng.

3.2. Âm đầu:

Các âm vị đảm nhiệm thành phần âm đầu của âm tiết tiếng Việt bao giờ cũng là các phụ âm: có 23 âm vị phụ âm đầu

Gồm: **b, c (k, q), d, đ, g (gh), h, l, m, n, p, r, s, t, v, ch, nh, tr, gi, ng (ngh), ph, kh, th, x.**

Lưu ý: Số lượng chữ viết nhiều hơn số lượng âm vị do có âm vị được ghi bằng 2, 3 chữ cái. VD: âm /c/ có 3 cách viết là **c, k, q**

3.3. Âm đệm:

Trong tiếng Việt, âm vị bán nguyên âm môi /-w-/ đóng vai trò âm đệm. Âm vị này được ghi bằng 2 con chữ: **u, o**

- Ghi bằng con chữ “u”:

- + Trước nguyên âm hẹp, hơi hẹp: VD: huy, huế,...
- + Sau phụ âm /c/: VD: qua, quê, quân.

- Ghi bằng con chữ “o”: Trước nguyên âm rộng, hơi rộng. VD: hoa, hoe, ...

3.4. Âm chính:

Tiếng Việt 1.CGD có 14 âm vị làm âm chính. Trong đó có: 11 nguyên âm đơn và 3 nguyên âm đôi.

- Các nguyên âm đơn được thể hiện bằng các con chữ sau: **a, ă, â, e, ê, i (y), o, ô, ơ, u, ư.**

- 3 nguyên âm đôi /iê/, /uô/, /ươ/ được thể hiện bằng các con chữ sau: **iê (iê, yê, ia, ya), uô (uô, ua), ươ (ươ, ươa).**

3.5. Âm cuối:

Tiếng Việt có 8 phụ âm, 2 bán nguyên âm đảm nhiệm vai trò là âm cuối:

- 8 phụ âm được thể hiện bằng 8 con chữ sau: **p, t, c, ch, m, n, ng, nh.**

- 2 bán nguyên âm được thể hiện bằng 4 con chữ: **u, o, i, y**

Phần 4: Luật chính tả:

5.1. Luật viết hoa:

a. Tiếng đầu câu: Tiếng đầu câu phải viết hoa.

b. Tên riêng :

b.1. Tên riêng Tiếng Việt:

- Viết hoa tất cả các tiếng không có gạch nối. Ví dụ: Vạn Xuân, Việt Nam.

- Một số trường hợp tên riêng địa lí được cấu tạo bởi 1 danh từ chung (sông, núi, hồ, đảo, đèo) kết hợp với một danh từ riêng (thường

có một tiếng) có kết cấu chặt chẽ đã thành đơn vị hành chính thì viết hoa tất cả các tiếng. VD: Sông Cầu, Sông Thao, Hồ Gươm, Cửa Lò,...

- Ngoài các trường hợp trên ra thì chỉ viết hoa tiếng là danh từ riêng. VD: sông Hương, núi Ngự, cầu Thê Húc, ...

b.2. Tên riêng tiếng nước ngoài:

- Trường hợp các tên riêng nước ngoài phiên âm qua âm Hán Việt thì viết hoa như viết tên riêng Việt Nam. VD: Hàn Quốc, Bồ Đào Nha,...

- Trường hợp các tên riêng nước ngoài không phiên âm qua âm Hán - Việt thì chỉ viết hoa chữ cái đầu và có gạch nối giữa các âm tiết.

VD: Cam-pu-chia, Xinh-ga-po,....

c. Viết hoa để tỏ sự tôn trọng : Ví dụ: Bà Trưng, Bà Triệu...

5.2. Luật ghi tiếng nước ngoài:

Các trường hợp không phiên âm qua âm Hán - Việt thì nghe thế nào viết thế ấy (như Tiếng Việt). Giữa các tiếng (trong một từ) phải có gạch nối.

Ví dụ: Pa-nô, pi-a-nô.

5.3. Luật ghi dấu thanh:

- Viết dấu thanh ở âm chính của vần. Ví dụ: bà, bá, loá, quỳnh, bào, mùi...

- Ở tiếng có nguyên âm đôi mà không có âm cuối thì dấu thanh được viết ở vị trí con chữ thứ nhất của nguyên âm đôi.

Ví dụ: mía, múa...

- Ở tiếng có nguyên âm đôi mà có âm cuối thì dấu thanh được viết ở vị trí con chữ thứ hai của nguyên âm đôi.

Ví dụ: miến, buồn...

5.4. Luật ghi một số âm đầu:

a. Luật e, ê, i:

- Âm /c/ (cờ) trước e, ê, i phải viết bằng chữ k (gọi là ca)
- Âm /g/ (gờ) trước e, ê, i phải viết bằng chữ gh (gọi là gờ kép)
- Âm /ng/ (ngờ) trước e, ê, i phải viết bằng chữ ngh (gọi là ngờ kép)

b. Luật ghi âm /c/ (cờ) trước âm đệm.

Âm /c/ (cờ) đứng trước âm đệm phải viết bằng chữ q (cu) và âm đệm viết bằng chữ u. VD: qua, quyên,....

c. Luật ghi chữ "gi"

Ở đây có hai chữ i đi liền nhau. Khi viết phải bỏ một chữ i (ở chữ gi), thành gì.

Khi đưa vào mô hình ta ghi như sau:



5.5. Luật ghi một số âm chính:

a. Quy tắc chính tả khi viết âm i :

- Tiếng chỉ có một âm i thì có tiếng viết bằng i (i ngắn) có tiếng viết bằng y (y dài):

+ Viết i nếu đó là từ Thuần Việt (i âm)

+ Viết y nếu đó là từ Hán Việt (y tá)

- Tiếng có âm đầu (và âm /i/) thì một số tiếng có thể viết y, hoặc viết i đều được. **Nhưng hiện nay quy định chung viết là i : thi sĩ**
- Khi có âm đệm đứng trước, âm i phải viết là y (y dài): **huy, quy (không được viết là qui)**

b. Cách ghi nguyên âm đôi :

- Nguyên âm đôi /iê/ (đọc là ia) có 4 cách viết:

- + Không có âm cuối: viết là ia. Ví dụ: **mía.**
- + Có âm cuối: viết là iê. Ví dụ: **biển.**
- + Có âm đệm, không có âm cuối thì viết là: ya. Ví dụ: **khuya.**
- + Có âm đệm, có âm cuối, hoặc không có âm đầu thì viết là: yê. Ví dụ: **chuyên, tuyết... yên, yềng...**

- Nguyên âm đôi /uô/ (đọc là ua) có hai cách viết:

- + Không có âm cuối: viết là ua. Ví dụ: **cua.**
- + Có âm cuối: viết là uô. Ví dụ: **suôi.**

- Nguyên âm đôi /ươ/ (đọc là ưa) có 2 cách viết:

- + Không có âm cuối: viết là ưa. Ví dụ: **cưạ.**
- + Có âm cuối: viết là ươ. Ví dụ: **lươn.**

5.6. Một số trường hợp đặc biệt:

Một số tiếng khi phân tích để đưa vào mô hình chúng ta cần phải xác định rõ vai trò của các âm vị trong tiếng đó.

VD: Các tiếng **gì, giêng, cuốc, quốc, xong, xoong**, ... sẽ được đưa vào mô hình tiếng như sau:

gi | | iê | ng

c | | uô | c

q | u | ô | c

x | | o | ng

x | | oo | ng

Phần 5: Nội dung chương trình

1. Bài 1: Tiếng

- *Tiếng* là một khối âm toàn vẹn như một “khối liền” được tách ra từ lời nói. Tiếp đó bằng phát âm, các em biết *tiếng giống nhau* và *tiếng khác nhau hoàn toàn, tiếng khác nhau một phần*.

- Tiếng được phân tích thành các bộ phận cấu thành: *phần đầu, phần vần, thanh.*

- *Đánh vần* một tiếng theo cơ chế hai bước:

+ Bước 1: b/a/ba (tiếng thanh ngang)

+ Bước 2: ba/huyền/bà (thêm các thanh khác)

Cách hướng dẫn học sinh đánh vần qua thao tác tay theo mô hình sau:

Vỗ tay (1) - Ngửa tay trái (2) - Ngửa tay phải (3) - Vỗ tay (1)

Ví dụ:

Tiếng	1	2	3	1
ba	ba	b	a	ba
bà	bà	ba	huyền	bà

Tách lời thành tiếng:

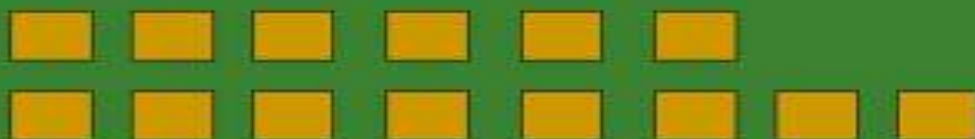
Vật liệu:

Tháp mười đẹp nhất bông sen

Nước nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

- Nói to – nhỏ - mập máy môi – thầm

- Phân tích bằng mô hình:



2. Bài 2: Âm

- Học sinh học cách phân tích tiếng tới đơn vị ngữ âm nhỏ nhất, đó là *âm vị*. Qua phát âm, các em phân biệt được *phụ âm, nguyên âm*, xuất hiện theo thứ tự của bảng chữ cái Tiếng Việt. Khi nắm được bản chất mỗi âm, các em dùng ký hiệu để ghi lại. Như vậy CNGD đi từ âm đến chữ.

- Một âm có thể viết bằng nhiều chữ và có thể có nhiều nghĩa nên phải viết đúng *luật chính tả*.

3. Bài 3: Vần

- Cấu trúc vần Tiếng Việt: Âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối

- **Các kiểu vần:**

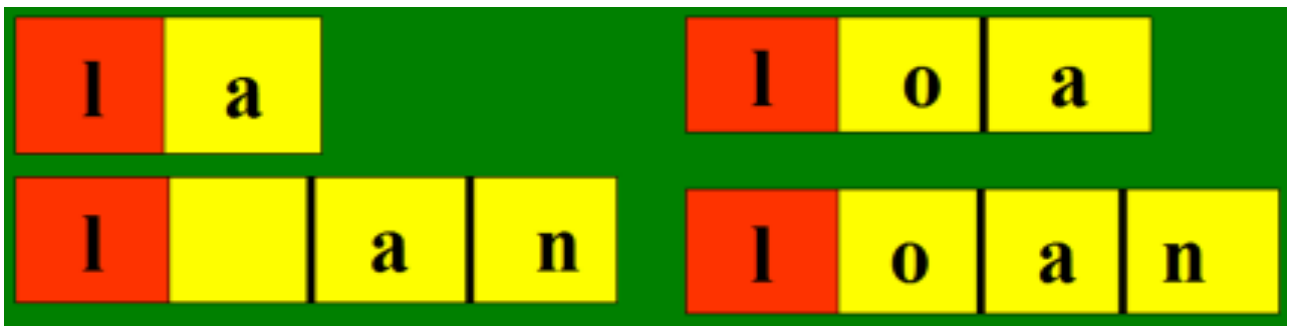
Kiểu 1: Vần chỉ có âm chính : **la**

Kiểu 2: Vần có âm đệm và âm chính: **loa**

Kiểu 3: Vần có âm chính và âm cuối: **lan**

Kiểu 4: Vần có âm đệm, âm chính và âm cuối: **loan**

Mô hình:



Phần 6: Quy trình dạy TV1.CGD:

Loại 1: Tiết lập mẫu:

Việc 1: Chiếm lĩnh ngữ âm.

- 1.1. Giới thiệu vật mẫu.
- 1.2. Phân tích ngữ âm
- 1.3. Vẽ mô hình.

Việc 2: Viết.

- 2.1. Giới thiệu cách ghi âm bằng chữ in thường.
- 2.2. Giới thiệu cách ghi âm bằng chữ viết thường.
- 2.3. Viết tiếng có âm (vần) vừa học.
- 2.4. Viết vở: *Em tập viết*

Việc 3: Đọc.

- 3.1. Đọc trên bảng.
- 3.2. Đọc trong sách.

Việc 4: Viết chính tả.

- 4.1. Viết bảng con/ Viết nháp.
- 4.2. Viết vào vở chính tả.

Loại 2: Tiết dùng mẫu:

Quy trình: Giống như quy trình của tiết lập mẫu.

Mục đích: - Vận dụng quy trình từ tiết lập mẫu.

- Luyện tập với vật liệu khác trên cùng một chất liệu tiết Lập mẫu.

Yêu cầu đối với GV:

- Nắm chắc quy trình tiết lập mẫu.
- Chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức tiết học sao cho phù hợp với học sinh lớp mình.

Loại 2: Tiết Luyện tập tổng hợp:

Việc 1: Ngữ âm.

- Đưa ra một số tình huống về ngữ âm TV và Luật CT
- Vận dụng làm một số bài tập ngữ âm và LCT.
- Tổng kết kiến thức ngữ âm theo hệ thống đã sắp xếp.

Việc 2: Đọc.

Bước 1: Chuẩn bị

- + Đọc nhỏ.
- + Đọc bằng mắt.
- + Đọc to.

Bước 2: Đọc bài.

- Đọc mẫu.
- Đọc nối tiếp.
- Đọc đồng thanh.

Bước 3: Hỏi đáp.

Việc 3: Viết.

- 3.1. Viết bảng con.
- 3.2. Viết vở: *Em tập viết*

Việc 4: Chính tả.

- 4.1. Ôn LCT (nếu có)
- 4.2. Nghe - viết.

PHẦN 7: MỘT SỐ ÂM - VẦN KHÓ VÀ CÁCH ĐỌC

Âm	Cách đọc	Âm	Cách đọc	Âm	Cách đọc
a	a	i	i	q	cờ
ă	á	k	cờ	r	rờ
â	ớ	kh	khờ	t	tờ
b	bờ	l	lờ	s	sờ
c	cờ	m	mờ	th	thờ
ch	chờ	n	nờ	tr	trờ
d	dờ	ng	ngờ	u	u
đ	đờ	ngh	ngờ kép	ư	ư
e	e	nh	nhờ	v	vờ
ê	ê	o	o	x	xờ
g	gờ	ô	ô	y	y
gh	gờ kép	ơ	ơ	iê (yê, ia, ya)	ia
gi	giờ	p	pờ	uô (ua)	ua
h	hờ	ph	phờ	ươ (ưà)	ưà

Vần	Cách đọc	Vần	Cách đọc
gì	gì - gi - huyền - gì	uôc	uôc - ua - cò - uôc
iêu	iêu - ia - u - iêu	uông	uông - ua - ngò - uông
yêu	yêu - ia - u - yêu	uơì	uơì - uơa - ì - uơì
iên	iên - ia - nờ - iên	uơơ	uơơ - uơa - nờ - uơơ
yên	yên - ia - nờ - yên	uơơng	uơơng - uơa - ngò - uơơng
iết	iết - ia - tờ - iết	uơơm	uơơm - uơa - mờ - uơơm
iêc	iêc - ia - cò - iêc	uơơc	uơơc - uơa - cò - uơơc
iêp	iêp - ia - pờ - iêp	uơơp	uơơp - uơa - pờ - uơơp
iêm	iêm - ia - mờ - iêm	oai	oai - o - ai - oai
yêm	yêm - ia - mờ - yêm	oay	oay - o - ay - oay
iêng	iêng - ia - ngò - iêng	oan	oan - o - an - oan
uôi	uôi - ua - ì - uôi	oăn	oăn - o - ăn - oăn
uôn	uôn - ua - nờ - uôn	oang	oang - o - ang - oang
uyên	uyên - u - yên - uyên	oăng	oăng - o - ăng - oăng
uych	uych - u - ích - uych	oanh	oanh - o - anh - oanh

uynh	uynh - u - inh - uynh	oach	oách - o - ách - oách
uyêt	uyết - u - iết - uyết	oat	oát - o - át - oát
uya	uya - u - ia - uya	oăť	oắť - o - ắť - oắť
uyt	uyť - u - ít - uyť	uân	uân - u - ân - uân
uôm	uôm - ua - mờ - uôm	uât	uấť - u - ấť - uấť
uôt	uốť - ua - tờ - uốť		

Tiếng	Cách đọc	Ghi chú
Dơ	Dờ - ơ – dơ	
Giơ	Giờ - ơ – dơ	Đọc là “dờ” nhưng có tiếng gió.
Giờ	Giờ – huyền – giờ	Đọc là “dờ” nhưng có tiếng gió.
Rô	Rờ - ô – rô	
Kinh	Cờ - inh – kinh	
Quynh	Cờ - uynh - quynh	
Qua	Cờ - oa - qua	
Quê	Cờ - uê - quê	
Quyết	Cờ - uyêt – quyết Quyêt – sắc quyết	
Bà	Bờ - a ba, Ba – huyền - bà	
Muróp	ư a - p - ư ơ p mờ - ư ơ p - mư ơ p Mư ơ p - sắc - mư ơ p	(Nếu các con chưa biết đánh vần ư ơ p thì mới phải đánh vần từ ư a - p - ư ơ p)
Bưóm	ư a - m - ư ơ m bờ - ư ơ m - bư ơ m Bư ơ m - sắc - bư ơ m	
Bưóng	bờ - ư ơ ng – bư ơ ng Bư ơ ng – sắc – bư ơ ng	
Khoai	Khờ - oai - khoai	
Khoái	Khờ - oai – khoai Khoai – sắc - khoái	
Thuốc	Ư a – cờ- uốc thờ - uộc - thuộc Thuộc – sắc – thuốc	
Mười	Ư a – i – ư ơ i-	

	mờ - ươi - mười Mười - huyền - mười	
Buồm	Ưa – mờ - uôm bờ - uôm - buôm Buôm – huyền – buồm.	
Buộc	Ưa – cờ - uôc bờ - uôc - buôc Buôc – nặng – buộc	
Suốt	Ưa – tờ - uôt – suốt Suốt – sắc – suốt	
Quần	U – ân – uân cờ - uân – quân Quân – huyền – quần.	
Tiệt	Ia – cờ - iêc tờ - iêc - tiêc Tiêc – nặng – tiệt.	
Thiếp	Ia – pờ - iêp thờ - iêp - thiêp Thiêp – nặng – thiếp	
Buôn	Ưa – nờ - uôn – buôn Buôn – huyền – buồn.	
Bưởi	Ưa – i – ươi – bưởi Bưởi – hỏi – bưởi.	
Chuối	Ưa – i – uôi – chuối Chuối – sắc – chuối.	
Chiêng	Ia – ngờ - iêng – chiêng Chiêng – huyền – chiêng.	
Giềng	Ia – ngờ - iêng – giềng Giềng – huyền – giềng	Đọc gi là “dờ” nhưng có tiếng gió

Huấn	U – ân – uân – huân Huân – sắc – huấn.	
Quất	o – ăt – oăt – cờ - oăt – quăt. Quăt – sắc – quăt	
Huỳnh	u – ynh – uynh – huynh huynh – huyền – huỳnh	
Xoăn	O – ăñ – oăñ – xoăn Xoăn – sắc – xoăn	
Thuyền	U – yên – uyên – thuyên Thuyên – huyền – thuyền.	
Quảng	O – ăñg – oăñg – cờ - oăñg – quăñg.	
Chiếp	ia – p – iêp – chiêp Chiêm – sắc – chiếp	
Huych	u – ych – uych – huych huych – nặng – huych.	
Xiéc	ia – c – iêc – xiêc xiêc – sắc – xiéc	